TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/HS-ST
Ngày: 12-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981 tại Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Ông T1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: cạo mủ cao su; trình độ học vấn: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Lê Thị Tuyết N và 01 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2022/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt tiền Nguyễn Thanh T 30.000.000 đồng về tội Đánh bạc; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đào Minh H1, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1970; hộ khẩu thường trú: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Ông Trương Hồng K, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Đường G, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

5. Ông Nguyễn Trường S1, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Khu V, phường T, huyện Ô, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: tổ F, ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

7. Ông Đoàn Văn Đ2, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

8. Ông Tô Văn B, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Nhà trọ bà Y, ấp Ông C, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

9. Ông Phạm Văn K1, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Thanh T có 01 tiền án về tội đánh bạc.

Vào khoảng 12 giờ, ngày 13 tháng 8 năm 2023, Phạm Văn K1 rủ Đào Minh H1, Lê Văn N1, Tô Văn B, Trương Hồng K, Nguyễn Trường S1, Trần Văn Đ1, Đoàn Văn Đ2, Phan Văn Đ và T đến trại heo của ông Trần Thanh P tại ấp Ông C, xã C, huyện B tỉnh Bình Dương để chơi đánh bạc trái phép bằng hình thức đá gà. K1 dùng điện thoại hiệu Oppo lên mạng internet vào trang google tìm kiếm trang http://daga88.comphát trực tiếp những trận đá gà. Trong một trận gà phân biệt bằng cách chọn gà băng cựa xanh là bên gà xanh, chọn gà băng cựa đỏ là bên gà đỏ. K1 làm trung gian để lấy tiền xâu, người thắng sẽ cho K1 từ 20.000 đồng - 100.000 đồng. K1 sử dụng 01 quyển tập ghi lại tên người bắt bên gà xanh hoặc bên gà đỏ và kèm số tiền cược. Với hình thức như trên, các đối tượng đã tham gia 05 trận đánh bạc bằng hình thức đá gà, cụ thể:

Trận 1: H1 bắt gà xanh đặt cược 200.000 đồng; N1 bắt gà đỏ đặt cược 200.000 đồng. Kết quả gà xanh thắng, Hiếu thắng cược 200.000 đồng của N1. Tổng số tiền đánh bạc của H1 và N1 là 400.000 đồng. H1 cho K1 40.000 đồng.

Trận 2: Bên gà Xanh: Hiếu đặt cược 200.000 đồng, Đ đặt cược 500.000 đồng. Bên gà đỏ: Bé đặt cược 500.000 đồng, S1 đặt cược 200.000 đồng. Kết quả gà đỏ thắng, B thắng cược 500.000 đồng, S1 thắng cược 200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của H1, Đ, B và S1 là 1.400.000 đồng. B và S1 cho K1 mỗi người 40.000 đồng.

Trận 3: Bên gà Xanh: Hiếu đặt cược 200.000 đồng, T đặt cược 200.000 đồng, Đ đặt cược 500.000 đồng, K đặt cược 100.000 đồng. Bên gà đỏ: Nghiêm đặt cược 200.000 đồng, S1 đặt cược 200.000 đồng, Bé đặt cược 500.000 đồng, Đ1 đặt cược 100.000 đồng. Kết quả gà đỏ thắng, N1 thắng cược 200.000 đồng, S1 thắng cược 200.000 đồng, B thắng cược 500.000, Đen thắng cược 100.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của H1, T, Đ, K, N1, S1, B và Đ1 là 2.000.000 đồng. N1 và S1 cho K1 mỗi người 40.000 đồng, B cho K1 100.000 đồng, Đ1 cho K1 20.000 đồng.

Trận 4: Bên gà xanh: Hiếu đặt cược 250.000 đồng, Đ2 đặt cược 250.000 đồng, Đ đặt cược 300.000 đồng. Bên gà đỏ: Bé đặt cược 500.000 đồng, K đặt cược 200.000 đồng, S1 đặt cược 100.000 đồng. Kết quả gà xanh thắng, Hiếu thắng 250.000 đồng, Đ2 thắng 250.000 đồng, Đ thắng 300.000 đồng. Tổng số đánh bạc của H1, Đ2, Đ, S1, B và K là 1.600.000 đồng. H1 và Đ2 cho K1 mỗi người 100.000 đồng, Đ cho K1 60.000 đồng.

Trận 5: Bên gà xanh: Hiếu đặt cược 250.000 đồng, Đ2 cược 250.000 đồng, N1 đặt cược 200.000 đồng, Đ đặt cược 500.000 đồng. Bên gà đỏ: Bé đặt cược 700.000 đồng, K Đặt cược 250.000 đồng, T đặt cược 250.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của H1, Đ2, N1, Đ, B, K và T là 1.200.000 đồng. Ở trận này chưa có kết quả thì bị phát hiện nên chưa thắng thua.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã truy tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H1, ông N1, ông Đ1 và ông K1 không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đ, ông K, ông S1, ông Đ2 và ông B vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra, truy tố, những người này không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc".

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 8 năm 2023 của Công an xã C, huyện B đã thu giữ của ông K1 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh ngọc (đã qua sử dụng), 01 quyển tập học sinh loại 96 trang và 8.500.000 đồng (bút lục số 08).

Theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 8 năm 2023 của Công an xã C, huyện B đã thu giữ của ông N1 2.200.000 đồng (bút lục số 09).

Theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 8 năm 2023 của Công an xã C, huyện B đã thu giữ của ông H1 3.500.000 đồng (bút lục số 87).

Theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Công an huyện B đã thu giữ của ông Đ1 200.000 đồng (bút lục số 105 và 106).

Theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 8 năm 2023 của Công an xã C, huyện B đã thu giữ của ông Đ 4.700.000 đồng (bút lục số 121).

Theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Công an huyện B đã thu giữ của ông S1 800.000 đồng.

Theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 8 năm 2023 của Công an xã C, huyện B đã thu giữ của ông K 1.300.000 đồng (bút lục số 158).

Theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 8 năm 2023 của Công an xã C, huyện B đã thu giữ của ông Đ2 1.600.000 đồng (bút lục số 168).

Theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 8 năm 2023 của Công an xã C, huyện B đã thu giữ của ông B 700.000 đồng (bút lục số 178).

Quá trình điều tra đã xác định:

- Ông K1 có hành vi tổ chức cho các con bạc chơi đá gà thắng thua bằng tiền tuy nhiên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

- Bị cáo T mang theo số tiền 200.000 đồng dùng để đánh bạc. Bị cáo T tham gia đánh bạc 02 trận gà: trận 3, số tiền đánh bạc là 2.000.000 đồng; trận 5, số tiền đánh bạc là 1.200.000 đồng. Sau khi tham gia 02 trận gà bị cáo T thua 200.000 đồng. Ngày 19 tháng 7 năm 2022, bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng xét xử và xử phạt 30.000.000 đồng về tội Đánh bạc; ngày 13 tháng 3 năm 2023, bị cáo T chấp hành xong hình phạt; ngày 13 tháng 8 năm 2023, bị cáo T chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc.

- Ông H1 mang theo 3.500.000 đồng dùng để đánh bạc. Ông H1 tham gia 05 trận gà: trận 1, số tiền đánh bạc là 400.000 đồng; trận 2, số tiền đánh bạc 1.400.000 đồng; trận 3, số tiền đánh bạc 2.000.000 đồng; trận 4, số tiền đánh bạc 1.600.000 đồng; trận 5, số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng. Sau khi tham gia 05 trận gà, ông H1 không thắng không thua. Số tiền đánh bạc từng trận của ông H1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

- Ông Đ1 mang theo 100.000 đồng dùng để đánh bạc. Ông Đ1 tham gia trận 3, số tiền đánh bạc là 200.000 đồng, ông Đ1 thắng 100.000 đồng. Số tiền đánh bạc của ông Đ1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

- Ông Đ mang theo số tiền 5.400.000 đồng dùng để đánh bạc. Ông Đ tham gia 04 trận gà: trận 2, số tiền đánh bạc 1.400.000 đồng; trận 3, số tiền đánh bạc 2.000.000 đồng; trận 4, số tiền đánh bạc là 1.600.000 đồng; trận 5, số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng. Sau khi tham gia 04 trận gà, ông Đ thua 700.000 đồng. Số tiền đánh bạc từng trận của ông Đ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 01/HS.ST ngày 08 tháng 01 năm 1999 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre xử phạt ông Đ 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 1985. Theo điểm d, đ và g khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13, hành vi đánh bạc của ông Đ theo bản án trên không cấu thành tội phạm nữa. Vì vậy, ông Đ thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích.

Về việc Công an huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính ông Đ 500.000 đồng về hành vi đánh bạc vào tháng 8 năm 1997: qua xác minh, Công an huyện M không còn lưu giữ hồ sơ này (bút lục số 222), nên theo nguyên tắc có lợi, ông Đ được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

- Ông N1 mang theo 2.200.000 đồng dùng để đánh bạc. Ông N1 tham gia: trận 1, số tiền đánh bạc 400.000 đồng; trận 3, số tiền đánh bạc 2.000.000 đồng; trận 5, số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng. Ông N1 không thắng, không thua. Số tiền đánh bạc từng trận của ông N1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

- Ông S1 mang theo 900.000 dùng để đánh bạc. Ông S1 tham gia: trận 2, số tiền đánh bạc 1.400.000 đồng; trận 3, số tiền đánh bạc 2.000.000 đồng; trận 4, số tiền đánh bạc 1.600.000 đồng. Ông S1 thắng 300.000 đồng. Số tiền đánh bạc từng trận của ông S1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

- Ông K mang theo 1.600.000 đồng dùng để đánh bạc. Ông K tham gia: trận 3, số tiền đánh bạc 2.000.000 đồng; trận 4, số tiền đánh bạc 1.600.000 đồng; trận 5, số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng. Ông K thua 300.000 đồng. Số tiền đánh bạc từng trận của ông K không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

- Ông Đ2 mang theo 1.350.000 đồng dùng để đánh bạc. Ông Đ2 tham gia: trận 4, số tiền đánh bạc 1.600.000 đồng; trận 5, số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng. Ông Đ2 thắng 250.000 đồng. Số tiền đánh bạc của từng trận của ông Đ2 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

- Ông B mang theo 200.000 đồng dùng để đánh bạc. Ông B tham gia: trận 2, số tiền đánh bạc 1.400.000 đồng; trận 3, số tiền đánh bạc 2.000.000 đồng; trận 4, số tiền đánh bạc 1.600.000 đồng; trận 5, số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng. Ông B thắng 500.000 đồng. Số tiền của từng lần đánh bạc của ông B không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với số tiền 23.500.000 đồng, trong đó có 15.000.000 đồng là số tiền ông H1, ông Đ, ông K, ông N1, ông S1, ông Đ1, ông Đ2 và ông B dùng để đánh bạc, đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ; số tiền còn lại 8.500.000 đồng của ông K1 không có căn cứ xác định ông K1 sẽ dùng đánh bạc nên đề nghị trả lại cho ông K1.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh ngọc của ông K1 là công cụ, phương tiện để phạm tội, đề nghị tịch thu sung công quỹ.

Đối với 01 quyển tập học sinh loại 96 trang của ông K1 lưu vào hồ sơ vụ án.

Hành vi của ông H1, ông Đ, ông K, ông N1, ông S1, ông Đ1, ông Đ2 và ông B, ngày 09 tháng 12 năm 2023, Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép; tất cả đều đã nộp phạt xong ngày 13 tháng 5 năm 2024.

Hành vi của ông K1, ngày 09 tháng 12 năm 2023, Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính 7.500.000 đồng về hành vi tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép; đã nộp phạt xong ngày 13 tháng 5 năm 2024.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H1, ông N1, ông Đ1 và ông K1 không có ý kiến gì về các vấn đề trên. Quá trình điều tra, truy tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đ, ông K, ông S1, ông Đ2 và ông B vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra, truy tố, những người này cũng không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 116/CT-VKSBB ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đã truy tố bị cáo T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về mức hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T mức hình phạt từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 15.000.000 đồng là tiền dùng đánh bạc và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh ngọc của ông K1 là công cụ, phương tiện phạm tội; đề nghị trả lại cho ông K1 8.500.000 đồng không phải là tiền đánh bạc.

Bị cáo không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H1, ông N1, ông Đ1 và ông K1 không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo biết lỗi, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo còn mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đ, ông K, ông S1, ông Đ2 và ông B vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] D bản và Chỉ bản của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện B thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của D bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ C1 quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự nên cần bổ sung, khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án khác sau này.

[1.3] Đối với các hành vi, quyết định tố tụng khác trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận:

Vào khoảng 12 giờ ngày 13 tháng 8 năm 2023, tại ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi đá gà thắng thua bằng tiền hai trận, một trận chơi với ông H1, ông Đ, ông K, ông N1, ông S1, ông B và ông Đ1 với tổng số tiền đánh bạc 2.000.000 đồng; một trận chơi với ông H1, ông Đ2, ông N1, ông Đ, ông B và ông K với tổng số tiền đánh bạc là 1.200.000 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và và diễn biến tại phiên tòa. Dù tổng số tiền của từng lần đánh bạc dưới mức tối thiểu là 5.000.000 đồng, nhưng do bị cáo đã bị kết án về tội Đánh bạc, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và xem thường pháp luật, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi gia đình trong xã hội, là nguyên nhân phát sinh những tệ nạn khác. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa là hoàn toàn cần thiết.

[4] Vì tư lợi mà bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi đá gà thắng thua bằng tiền. Dù bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Ngày 19 tháng 7 năm 2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng xử phạt tiền về tội Đánh bạc; ngày 13 tháng 3 năm 2023, bị cáo chấp hành xong hình phạt; ngày 13 tháng 8 năm 2023, bị cáo chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội đánh bạc. Điều này thể hiện bị cáo xem thường pháp luật, không cố

gắng sửa chữa, cải tạo thành người tốt. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử cần xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, có mẹ già yếu và con nhỏ, là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do bị cáo chưa được xóa án tích về tội Đánh bạc nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tiền án của bị cáo đã được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm nên không được coi là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt chính là tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng là 01 quyển tập học sinh loại 96 trang của ông K1 được lưu trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh ngọc (đã qua sử dụng) của ông K1 là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền 15.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, gồm của ông N1 là 2.200.000 đồng, ông H1 3.500.000 đồng, ông Đ1 200.000 đồng, ông Đ 4.700.000 đồng, ông S1 800.000 đồng, ông K 1.300.000 đồng, ông Đ2 1.600.000 đồng và ông B là 700.000 đồng, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho ông K1 số tiền 8.500.000 đồng do không phải là tiền đánh bạc.

[8] Hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H1, ông Đ, ông K, ông N1, ông S1, ông Đ1, ông Đ2, ông B H1 và ông K1 đã bị xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh ngọc (đã qua sử dụng) của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn K1 *(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).*

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn K1 số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

(Ủy nhiệm chi ngày 09 tháng 12 năm 2024 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N2, Chi nhánh B1, Phòng G).

[3] Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

Huỳnh Kim Xuyến